

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 24 - 6 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hạnh Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLPT - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 07/2020/HNGĐ-ST ngày 17/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Bà Phạm Thị H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị H sống chung từ năm 2009 đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/8/2013. Trong quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, mỗi lần vợ chồng cự cãi thì bà H bỏ nhà đi. Do đó, vợ chồng ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị H.

Về con chung: Có 01 con chung là Huỳnh Nhật S - sinh ngày 07/7/2010. Hiện Sang đang sống chung với bà H. Nguyễn vọng của con muốn sống với bà H thì ông đồng ý và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi Huỳnh Nhật S tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn S tự tìm hiểu rồi sống chung với nhau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn đúng như lời trình bày của ông Huỳnh Văn S. Thời kỳ hôn nhân rất hạnh phúc, trong cuộc sống vợ chồng đôi lúc có cự cãi nhau vì ông S ghen tuông không tin tưởng nên dùng từ xúc phạm. Khi ông S chửi thì bà có về nhà con riêng ở và có lúc sang nhà cha chồng sống đến khi ông S hết giận thì về. Bà con tình thương với ông S muốn vợ chồng được đoàn tụ để chăm lo cho con nên không đồng ý ly hôn.

Con chung là Huỳnh Nhật S - sinh ngày 07/7/2010. Hiện nay S đang sống chung với bà. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 07/2020/HNGĐ-ST ngày 17/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn S, cho ông S ly hôn bà Phạm Thị H.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Huỳnh Nhật S – sinh ngày 07/7/2010 cho bà Phạm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Buộc ông Huỳnh Văn S cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Nhật S – sinh ngày 07/7/2010 mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu Huỳnh Nhật S tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn S không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/5/2020 bà Phạm Thị H kháng cáo xem xét lại đối với bản án sơ thẩm về việc ly hôn và nuôi con chung, giao con chung cho ông Huỳnh Văn S nuôi và xem xét lại yêu cầu nhập vụ án vì bà có yêu cầu về chia tài sản chung để giải quyết cùng vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông S trình bày: Ông không đồng ý toàn bộ nội dung kháng cáo của bà H; ông không đồng ý hàn gắn hôn nhân vì không có hạnh phúc. Về con chung: ông rất thương con và cũng có điều kiện kinh tế có 70 công đất nuôi trồng thủy sản, cho nên tại cấp sơ thẩm ông có yêu cầu nuôi con, nhưng sơ thẩm giao con cho bà H nuôi. Nay ông không đồng ý trực tiếp nuôi con vì ông bị bệnh huyết áp cao, ngoài ra ông giận bà H vì không biết nghĩ đến con, không biết giữ gìn hạnh phúc gia đình mới dẫn đến việc ly hôn. Về cấp dưỡng: nếu bà H nuôi con ông đồng ý cấp dưỡng 1.500.000đồng/tháng; trường hợp pháp luật giao con cho ông nuôi thì ông không yêu cầu cấp dưỡng.

Bị đơn bà H trình bày: Bà giữ nguyên nội dung kháng cáo: yêu cầu xem xét lại hôn nhân vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn; nếu ly hôn thì bà giao con chung cho ông S nuôi, tại cấp sơ thẩm bà cũng không có nguyện vọng nuôi con nhưng cháu S có ý kiến ở với bà nên bản án sơ thẩm giao bà nuôi con, nhưng thời gian qua bà không lo được cho con có cuộc sống tốt vì bà không có nhà ở, không có thu nhập nếu con tiếp tục ở với bà thì có khả năng cháu sẽ nghỉ học; và yêu cầu xem xét nhập vụ án chia tài sản chung để giải quyết cùng vụ án ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà H, sửa một phần bản án sơ thẩm về việc người trực tiếp nuôi con, giao cháu S cho S nuôi, không đặt ra cấp dưỡng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 07/2020/HNGĐ-ST ngày 17/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, quyết định: Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn S ly hôn bà Phạm Thị H; giao con chung là cháu Huỳnh Nhựt S— sinh ngày 07/7/2010 cho bà Phạm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu Huỳnh Nhựt S tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét về việc cho ly hôn vì bà còn thương ông S, giao con chung cho ông Huỳnh Văn S nuôi và xem xét lại yêu cầu nhập vụ án vì bà có yêu cầu về chia tài sản chung để giải quyết cùng vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị H

[2.1] Bà H không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ muốn cho con có cuộc sống đủ cha mẹ: Qua xem xét toàn bộ chứng cứ thể hiện lý do ông S ly hôn với bà H vì vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nên bà H bỏ nhà đi từ tháng 5/2019 và vợ chồng ly thân đến nay. Nhận thấy, để đảm bảo hôn nhân có hạnh

phúc thì cả hai phải có thiện chí, cùng xây dựng, trong khi ông S cho rằng không còn tình cảm vợ chồng, cương quyết ly hôn. Nếu như hàn gắn cũng không mang lại hạnh phúc gia đình, do vậy cấp sơ thẩm quyết định cho ông S ly hôn với bà H là có căn cứ, đúng với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Bà H không đồng ý nuôi con chung là Huỳnh Nhật S – sinh ngày 07/7/2010, vì bà không đảm bảo cuộc sống của con, cho nên bà giao con cho ông S nuôi: Bà H trình bày lý do tại cấp sơ thẩm ở phiên hòa giải vì muốn vợ chồng đoàn tụ nên bà yêu cầu nuôi con, nhưng bản án sơ thẩm quyết định cho vợ chồng bà ly hôn nên bà kháng cáo về việc giao con cho ông S nuôi vì ông S có điều kiện tốt, có nhiều tài sản riêng như đất nuôi trồng thủy sản khoảng 80 công (tại phiên tòa phúc thẩm ông S xác nhận ông có 70 công đất vuông), trong khi cuộc sống của bà khó khăn, nếu nuôi con sẽ không đảm bảo tốt cuộc sống cho con. Tại cấp sơ thẩm, bà H yêu cầu nuôi con, cháu S có nguyện vọng ở với mẹ nên bản án sơ thẩm giao con cho bà H nuôi là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, cháu S có yêu cầu ở với cha, trước đây cháu trình bày ở với mẹ là vì không muốn cha mẹ ly hôn; mặt khác, thời gian qua ở với mẹ cuộc sống của cháu không đầy đủ, cháu sợ mẹ không cho đi học tiếp vì mẹ không có khả năng về kinh tế. Nhận thấy, nguyện vọng của cháu S là chính đáng, cần phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con sau khi vợ chồng ly hôn, cháu S sinh năm 2010 cho nên cháu cũng nhận biết được điều kiện kinh tế và điều kiện về mọi mặt của cha mẹ khi nuôi con chung. Ông S không đồng ý trực tiếp nuôi con là vì giận bà H và bị bệnh huyết áp cao, với những lý do này là không chính đáng và không có cơ sở chấp nhận, bởi vì Tòa án giao con cho một bên nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Do đó giao cháu S cho ông S là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng thể hiện tại đơn khởi kiện ông S cũng có yêu cầu trực tiếp nuôi con.

Từ phân tích trên, chấp nhận kháng cáo của bà H về việc giao con cho ông S nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông S trình bày nếu bà H nuôi con thì ông cấp dưỡng 1.500.000đồng/tháng. Nếu Tòa án giao con cho ông trực tiếp nuôi thì ông không yêu cầu cấp dưỡng. Do ông S không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Bà H yêu cầu xem xét về việc cấp sơ thẩm không nhập vụ án chia tài sản chung vào vụ án ly hôn để giải quyết cùng.

Qua xem xét hồ sơ vụ án, không thể hiện bà H yêu cầu chia tài sản chung. Tại bản tự khai (bút lục 28, 31) bà H không đề cập đến tài sản và biên bản hòa giải (bút lục 31) bà H trình bày về tài sản “vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết”. Vì vậy, cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét giải quyết về chia tài sản trong vụ án này là đúng quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự; do bản án sơ thẩm chưa giải quyết, nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét. Trường hợp bà H có yêu cầu chia tài sản chung thì khởi kiện ở vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà H về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm

số: 07/2020/HNGĐ-ST ngày 17/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện N về người trực tiếp nuôi con chung.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm bà H không phải nộp, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

Do không cấp dưỡng nuôi con nên không tính án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị H; sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 07/2020/HNGĐ-ST ngày 17/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau về người trực tiếp nuôi con chung.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, cho ông Huỳnh Văn S ly hôn với bà Phạm Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Huỳnh Nhựt S – sinh ngày 07/7/2010 cho ông Huỳnh Văn S trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc bà H có trách nhiệm giao cháu S cho ông S.

Việc cấp dưỡng nuôi con ông S không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Huỳnh Văn S phải chịu 300.000 đồng. Ông S đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005988 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà H không phải chịu, bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006145 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND thị trấn R, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền